

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>	
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Quân	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Tịnh	Ủy viên
<u>Ban kiểm soát</u>	
Bà Nguyễn Mỹ Hải	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>	
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Thế Hưng, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN TÀI HÙNG – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2018, từ trang 6 đến trang 41 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2018

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt *Handwritten signature*



VÕ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B01a-DN/HN**Đơn vị tính: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		140.303.046.995	94.708.068.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	48.016.329.856	42.734.241.990
1. Tiền	111		8.516.329.856	11.687.650.797
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.500.000.000	31.046.591.193
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34.703.397.849	10.918.946.736
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	18.549.807.605	9.529.406.637
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(5.235.949.855)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	21.389.540.099	1.389.540.099
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.682.565.071	37.249.333.857
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	32.285.088.547	29.889.202.809
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	983.522.500	122.972.862
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	22.478.608.784	8.024.206.382
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.064.654.760)	(787.048.196)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	560.742.027	656.094.633
Hàng tồn kho	141		560.742.027	656.094.633
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.340.012.192	3.149.451.597
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.678.800.223	1.959.505.097
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		96.818.830	584.056.365
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	564.393.139	605.890.135
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		140.518.011.834	190.454.640.776
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55.000.000	367.088.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	55.000.000	367.088.000
II. Tài sản cố định	220		129.571.455.838	132.373.876.046
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	106.353.709.987	108.867.969.809
<i>Nguyên giá</i>	222		184.657.303.862	187.123.109.273
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(78.303.593.875)	(78.255.139.464)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	23.217.745.851	23.505.906.237
<i>Nguyên giá</i>	228		24.058.532.693	24.058.532.693
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(840.786.842)	(552.626.456)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		194.363.636	4.772.884.999
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	194.363.636	4.772.884.999
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.784.016.819	47.957.971.606
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12a	-	45.057.954.787
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12b	5.784.016.819	2.900.016.819
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.913.175.541	4.982.820.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.653.498.005	4.793.544.571
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		259.677.536	189.275.554
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		280.821.058.829	285.162.709.589

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018	31/12/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.492.876.709	15.891.530.111
I. Nợ ngắn hạn	310		20.287.876.709	15.706.530.111
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	8.436.161.205	9.622.352.953
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.878.131.354	1.164.967.735
3. Phải trả người lao động	314		2.029.952.100	2.464.995.637
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	366.850.727	369.217.270
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	1.206.283.132	1.500.479.140
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	4.989.052.949	-
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	63.548.886
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.381.445.242	520.968.490
II. Nợ dài hạn	330		205.000.000	185.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	205.000.000	185.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		260.328.182.120	269.271.179.478
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	260.328.182.120	269.271.179.478
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		131.998.470.000	131.998.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.745.703.936	6.745.703.936
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		114.386.386.567	123.310.155.385
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	421a		107.616.185.576	101.346.700.258
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		6.770.200.991	21.963.455.127
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.303.637.346	1.322.865.886
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		280.821.058.829	285.162.709.589

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2018




 NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Kế toán trưởng


 NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Có so sánh với số liệu kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017)

MÁU B02a-DN/HN
Đơn vị tính: VND
Từ 01/01/2017 đến
30/6/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.516.635.647	53.846.135.947
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.516.635.647	53.846.135.947
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	54.674.852.286	47.218.554.966
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.841.783.361	6.627.580.981
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.508.310.711	798.651.516
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.799.029.057	47.057.957
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		267.481.576	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.563.672.982	7.385.703.584
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.801.484.494	4.384.537.189
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.313.253.503	10.380.340.935
12. Thu nhập khác	31		230.822.159	4.000.000
13. Chi phí khác	32		46.910.059	155.388.886
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	183.912.100	(151.388.886)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.497.165.603	10.228.952.049
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.675.798.798	628.344.372
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		7.289.371	(57.398.514)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.814.077.434	9.658.006.191
<i>Trong đó:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		6.770.200.991	9.662.372.470
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		43.876.443	(4.366.279)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	482,13	688,09
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8b	482,13	688,09

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2018



(Signature)
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

(Signature)
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B 03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.497.165.603	10.228.952.049
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.742.497.669	6.587.420.764
- Các khoản dự phòng	03		5.513.556.419	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.058.015)	9.102.401
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(12.286.123.448)	(8.037.938.538)
- Chi phí lãi vay	06		267.481.576	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.733.519.804	8.787.536.676
- Giảm các khoản phải thu	09		(572.683.142)	937.152.839
- Tăng/(Giảm) hàng tồn kho	10		95.352.606	202.215.636
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.827.334.860)	(2.206.701.979)
- Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12		420.751.440	816.945.019
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(9.020.400.968)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(267.481.576)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.350.549.034)	(1.427.102.173)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.450.138.418)	(886.308.588)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.238.964.148)	6.223.737.430
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(602.580.363)	(5.501.693.847)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		200.000.000	10.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.884.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		38.132.595.511	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.884.772.902	784.089.641
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18.730.788.050	(4.707.604.206)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		57.477.882.356	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(52.488.829.407)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.199.847.000)	(19.785.847.305)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.210.794.051)	(19.785.847.305)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.281.029.851	(18.269.714.081)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.734.241.990	46.523.785.892
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.058.015	(9.102.401)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	48.016.329.856	28.244.969.410



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2018

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B09a-DN/HN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 -59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 -59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND.
Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu.
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu.

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 028 35128 668
Fax : 028 35128 688
Mã số thuế : **0 3 0 2 5 2 5 1 6 2**

2. **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. **Ngành, nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty

Tại kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần vốn sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Tầng 6, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 146 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 168 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 thuộc kỳ kế toán năm thứ 17 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải	5 – 15
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Tài sản cố định khác	5 – 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư đóng sà lan, chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí sửa chữa, chi phí kiểm định, phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí văn phòng, chi phí sửa chữa và chi phí khác đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 5 năm;

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/6/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tiền mặt	2.044.001.943	1.373.444.310
Tiền gửi ngân hàng	6.472.327.913	9.089.179.031
Tiền đang chuyển	-	1.225.027.456
Các khoản tương đương tiền (*)	39.500.000.000	31.046.591.193
Cộng	<u>48.016.329.856</u>	<u>42.734.241.990</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8 đến 6% /năm. (Năm 2017: 4,5 đến 5,1%/năm).

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>30/6/2018</u>			<u>31/12/2017</u>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
Đầu tư mua cổ phiếu						
Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT	1.006.211.750	520.500.000	485.711.750	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	4.766.205.500	3.150.600.000	1.615.605.500	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Hòa Bình	5.229.587.550	3.909.015.000	1.320.572.550	-	-	-
Công Ty CP FPT	1.926.886.000	1.441.300.500	560.191.625	-	-	-
Ngân Hàng TMCP Á châu Công Ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa Ốc Đất Xanh	481.856.125	445.034.375	36.821.750	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai	341.345.500	318.750.000	22.595.500	-	-	-
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	429.785.500	363.750.000	66.035.500	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	180.270.000	173.000.000	7.270.000	-	-	-
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	1.521.150.650	1.521.150.650	-
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi Trường Xanh An Phát	-	-	-	1.609.788.583	1.609.788.583	-
Tập Đoàn Bảo Việt	-	-	-	1.531.528.699	1.531.528.699	-
Công Ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	-	-	-	4.866.938.705	4.866.938.705	-
Cộng	<u>18.549.807.605</u>	<u>13.313.857.750</u>	<u>5.235.949.855</u>	<u>9.529.406.637</u>	<u>9.529.406.637</u>	<u>-</u>

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

Đối với các chứng khoán được niêm yết, giá hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	21.389.540.099	21.389.540.099	1.389.540.099	1.389.540.099
Cộng	21.389.540.099	21.389.540.099	1.389.540.099	1.389.540.099

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6 đến 7%/năm. (Năm 2017: 6,8%/năm).

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/6/2018	31/12/2017
Công ty Cổ phần Nhật Việt	525.816.000	1.112.861.000
Công ty TNHH Logistics Hà Linh	1.220.661.162	2.095.398.973
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	13.677.135	3.023.127.930
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	356.224.642	327.103.606
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.508.043.759	2.508.043.759
Samudera Shipping Line Ltd.	7.133.109.486	3.081.372.991
Công ty TNHH Thương mại Vận chuyển Toàn Cầu	2.680.633.239	2.534.950.580
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	2.436.962.756	2.207.742.380
Các khách hàng khác	15.409.960.368	12.998.601.590
Cộng	32.285.088.547	29.889.202.809
<i>Trong đó số dư phải thu khách hàng là các bên liên quan là:</i>		
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	13.677.135	3.023.127.930
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	356.224.642	327.103.606
Cộng	369.901.777	3.350.231.536

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty cổ phần xây dựng và tư vấn Minh Giang	305.804.500	50.566.450
Công ty cổ phần du lịch và tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam - VIETRAVEL chi nhánh hải phòng	318.155.000	-
Khách hàng khác	359.563.000	72.406.412
Cộng	983.522.500	122.972.862

5. Phải thu khác

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Ngắn hạn	22.478.608.784	-	8.024.206.382	-
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	13.369.168.883	-	6.352.378.277	-
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	7.435.394.531	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	390.054.668	-	368.350.693	-
Ký cược, ký quỹ	251.000.000	-	401.000.000	-
Lãi dự thu	461.237.228	-	201.783.782	-
Các khoản phải thu khác	571.753.474	-	700.693.630	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b) Dài hạn	55.000.000	-	367.088.000	-
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	5.000.000	-	367.088.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	50.000.000	-	-	-
Cộng	22.533.608.784	-	8.391.294.382	-

Trong đó số dư phải thu khác là các bên liên quan là:

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	13.369.168.883	-	6.352.378.277	-
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	7.435.394.531	-	-	-
Cộng	20.804.563.414	-	6.352.378.277	-

6. Nợ xấu

	30/6/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.508.043.759	1.478.024.067	1.030.019.692	2.508.043.759	1.755.630.631	752.413.128
Tạm ứng các cá nhân	34.635.068	-	34.635.068	34.635.068	-	34.635.068
Cộng	2.542.678.827	1.478.024.067	1.064.654.760	2.542.678.827	1.755.630.631	787.048.196

7. Hàng tồn kho

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	121.320.771	-	260.714.026	-
Hàng hóa	439.421.256	-	395.380.607	-
Cộng	560.742.027	-	656.094.633	-

8. Chi phí trả trước

	30/6/2018	31/12/2017
a) Ngắn hạn	1.678.800.223	1.959.505.097
Chi phí mua bảo hiểm, kiểm định	507.627.898	650.451.849
Chi phí sửa chữa	128.356.242	148.623.427
Công cụ, dụng cụ	286.219.274	383.542.472
Chi phí khác	756.596.809	776.887.350
b) Dài hạn	4.653.498.005	4.793.544.571
Chi phí công cụ, dụng cụ, phí văn phòng	2.565.452.769	2.843.740.711
Chi phí sửa chữa	736.508.652	688.854.500
Chi phí khác	1.351.536.584	1.260.949.360
Cộng	6.332.298.228	6.753.049.668

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình							Tài sản cố định khác		Cộng
Khoản mục		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng				
Nguyên giá									
01/01/2018		89.991.689.806	1.434.826.595	86.209.431.836	5.393.032.763	4.094.128.273		187.123.109.273	
Tăng trong năm		3.847.405.000	-	1.333.696.726	-	-		5.181.101.726	
Giảm trong năm		-	-	4.347.879.091	-	3.299.028.046		7.646.907.137	
30/6/2018		93.839.094.806	1.434.826.595	83.195.249.471	5.393.032.763	795.100.227		184.657.303.862	
Giá trị hao mòn lũy kế									
01/01/2018		26.652.880.818	193.141.395	46.590.399.118	1.947.859.087	2.870.859.046		78.255.139.464	
Tăng trong năm		1.516.007.185	50.428.626	3.912.081.140	246.413.664	729.406.668		6.454.337.283	
Giảm trong năm		-	-	3.106.854.826	-	3.299.028.046		6.405.882.872	
30/6/2018		28.168.888.003	243.570.021	47.395.625.432	2.194.272.751	301.237.668		78.303.593.875	
Giá trị còn lại									
01/01/2018		63.338.808.988	1.241.685.200	39.619.032.718	3.445.173.676	1.223.269.227		108.867.969.809	
30/6/2018		65.670.206.803	1.191.256.574	35.799.624.039	3.198.760.012	493.862.559		106.353.709.987	
Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:									
01/01/2018		-	-	12.933.198.639	493.860.149	-		13.427.058.788	
30/6/2018		13.648.627.789	-	12.460.125.003	530.223.785	-		26.638.976.577	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
01/01/2018	24.058.532.693	24.058.532.693
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
30/6/2018	24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2018	552.626.456	552.626.456
Tăng trong kỳ	288.160.386	288.160.386
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	288.160.386	288.160.386
Giảm trong kỳ	-	-
30/6/2018	840.786.842	840.786.842
Giá trị còn lại		
01/01/2018	23.505.906.237	23.505.906.237
30/6/2018	23.217.745.851	23.217.745.851

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2018	31/12/2017
Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau Cảng	-	3.847.405.000
Mua sắm tài sản cố định	-	731.116.363
Công trình bệ trụ cầu cố định Phú Quốc	194.363.636	194.363.636
Cộng	194.363.636	4.772.884.999

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2018	31/12/2017
Đầu tư vào các Công ty liên kết (a)	-	45.057.954.787
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (b)	5.784.016.819	2.900.016.819
Cộng	5.784.016.819	47.957.971.606

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

a) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Cộng
Giá trị đầu tư	18.175.783.651	7.069.435.800	25.245.219.451
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-
Tại ngày 30/6/2018	-	-	-
Phản lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư			
Tại ngày 01/01/2018	16.487.743.565	3.324.991.771	19.812.735.336
Phản lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết trong kỳ	2.563.672.982	-	2.563.672.982
Chuyển nhượng vốn trong kỳ	(37.227.200.198)	(10.394.427.571)	(47.621.627.769)
Tại ngày 30/6/2018	-	-	-
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	34.663.527.216	10.394.427.571	45.057.954.787
Tại ngày 30/6/2018	-	-	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2018		31/12/2017			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	5.784.016.819	-	8.349.750.000	2.900.016.819	-	8.250.000.000
Cộng	5.784.016.819	-	8.349.750.000	2.900.016.819	-	8.250.000.000

(*) Giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 618.500 cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 412.500 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.084.876.000	2.084.876.000	1.509.426.209	1.509.426.209
Công ty TNHH Cảng Phước Long	112.846.359	112.846.359	91.628.300	91.628.300
Khách hàng khác	6.238.438.846	6.238.438.846	8.021.298.444	8.021.298.444
Cộng	8.436.161.205	8.436.161.205	9.622.352.953	9.622.352.953

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số dư 01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 30/6/2018
Chỉ tiêu				
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	(182.408.907)	1.883.938.716	1.330.536.735	370.993.074
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu</i>	<i>(403.377.001)</i>	<i>737.470.606</i>	<i>567.064.874</i>	<i>(232.971.269)</i>
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp</i>	<i>220.968.094</i>	<i>1.146.468.110</i>	<i>763.471.861</i>	<i>603.964.343</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	571.318.761	1.846.146.537	1.350.549.034	1.066.916.264
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu</i>	<i>(60.539.109)</i>	<i>319.203.012</i>	<i>396.092.299</i>	<i>(137.428.396)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp</i>	<i>631.857.870</i>	<i>1.526.943.525</i>	<i>954.456.735</i>	<i>1.204.344.660</i>
Thuế thu nhập cá nhân	116.893.462	945.581.710	1.189.897.924	(127.422.752)
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu</i>	<i>(141.974.025)</i>	<i>35.380.375</i>	<i>26.902.166</i>	<i>(133.495.816)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp</i>	<i>258.867.487</i>	<i>910.201.335</i>	<i>1.162.995.758</i>	<i>6.073.064</i>
Các loại thuế khác	53.274.284	784.106.165	834.128.820	3.251.629
<i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>14.000.000</i>	<i>14.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Thuế đất</i>	<i>-</i>	<i>393.726.926</i>	<i>454.224.584</i>	<i>(60.497.658)</i>
<i>Thuế nhà thầu</i>	<i>53.274.284</i>	<i>376.379.239</i>	<i>365.904.236</i>	<i>63.749.287</i>
Cộng	559.077.600	5.459.773.128	4.705.112.513	1.313.738.215
Trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	605.890.135			564.393.139
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.164.967.735			1.878.131.354

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả

	<u>30/6/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Phí dịch vụ	30.181.818	63.472.727
Cước vận chuyển	157.800.000	179.000.000
Chi phí khác	178.868.909	126.744.543
Cộng	<u>366.850.727</u>	<u>369.217.270</u>

16. Phải trả khác

a) Ngắn hạn	1.206.283.132	1.500.479.140
Kinh phí công đoàn	57.250.800	51.822.930
Bảo hiểm xã hội	143.115.000	126.484.836
Bảo hiểm y tế	29.909.931	24.490.415
Bảo hiểm thất nghiệp	12.548.324	10.628.921
Cổ tức phải trả	16.617.395	13.923.195
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	128.800.000	118.300.000
Phải trả nhân viên	-	500.411.095
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	818.041.682	654.417.748
b) Dài hạn	205.000.000	185.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000
Công ty TNHH SCHUNK INTEC	30.000.000	30.000.000
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	35.000.000	15.000.000
Cộng	<u>1.411.283.132</u>	<u>1.685.479.140</u>

Trong đó số dư phải trả khác là các bên liên quan là:

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	140.000.000	140.000.000
Cộng	<u>140.000.000</u>	<u>140.000.000</u>

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	<u>31/12/2017</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>30/6/2018</u>
Công ty CP Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HSC)	-	57.477.882.356	52.488.829.407	4.989.052.949
Cộng (*)	-	<u>57.477.882.356</u>	<u>52.488.829.407</u>	<u>4.989.052.949</u>

(*) Hợp đồng mở lưu ký chứng khoán tại Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thời hạn vay: Theo từng mã chứng khoán hỗ trợ

Lãi suất: Theo từng mã chứng khoán hỗ trợ

Mục đích vay: Mua bán chứng khoán

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiêu	Số đầu năm/kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Thu khác	Chi khác	Chi trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng	128.790.582	1.537.441.859	-	627.154.034	-	1.039.078.407
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	392.177.908	1.098.172.756	-	1.147.983.829	-	342.366.835
Cộng	520.968.490	2.635.614.615	-	1.775.137.863	-	1.381.445.242

19. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu			Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển			
01/01/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	6.746.260.664	119.339.287.797	1.325.033.529	265.303.036.261
Lợi nhuận năm 2017	-	-	-	21.963.455.127	63.110.522	22.026.565.649
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	(3.034.427.656)	(65.278.165)	(3.099.705.821)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.199.847.000)	-	(13.199.847.000)
Tăng khác	-	-	-	13.427.494	-	13.427.494
Giảm khác	-	-	(556.728)	(1.771.740.377)	-	(1.772.297.105)
31/12/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	6.745.703.936	123.310.155.385	1.322.865.886	269.271.179.478
01/01/2018	131.998.470.000	5.893.984.271	6.745.703.936	123.310.155.385	1.322.865.886	269.271.179.478
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	6.770.200.991	43.876.443	6.814.077.434
Chia cổ tức	-	-	-	(13.199.847.000)	(63.104.983)	(13.262.951.983)
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	(2.635.614.615)	-	(2.635.614.615)
Tăng khác	-	-	-	141.491.806	-	141.491.806
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
30/6/2018	131.998.470.000	5.893.984.271	6.745.703.936	114.386.386.567	1.303.637.346	260.328.182.120

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2018, bao gồm: chia cổ tức 10%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 7% Lợi nhuận hợp nhất; trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị 5% Lợi nhuận hợp nhất.

Cổ phiếu:

	<u>Tại 30/6/2018</u>	<u>Tại 31/12/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.199.847	13.199.847
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>30/6/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Đô la Mỹ	USD	12.748,51	22.584,52

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>
Dịch vụ vận tải	17.645.837.150	20.064.339.044
Dịch vụ khai thác kho bãi	29.311.868.773	19.547.357.208
Dịch vụ đại lý container	4.260.453.096	7.912.283.887
Dịch vụ cho thuê văn phòng	1.561.280.815	836.225.134
Doanh thu bán hàng hóa	7.737.195.813	5.485.930.674
Cộng	<u>60.516.635.647</u>	<u>53.846.135.947</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải	18.341.401.064	20.444.441.517
Khai thác kho bãi	25.582.522.603	16.700.519.557
Đại lý container	2.570.107.177	3.916.746.181
Cho thuê văn phòng	816.421.141	807.187.476
Giá vốn hàng hóa	7.364.400.301	5.349.660.235
Cộng	<u>54.674.852.286</u>	<u>47.218.554.966</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lãi tiền gửi ngân hàng	507.957.572	568.760.086
Đầu tư khác	412.500.000	-
Lãi kinh doanh chứng khoán	4.854.797.284	
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	448.794.037	73.474.868
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	48.980.681	156.416.562
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thanh toán	1.058.015	-
Lãi chuyển nhượng vốn	8.228.249.789	-
Lãi hoạt động khác	5.973.333	
Cộng	14.508.310.711	798.651.516

4. Chi phí tài chính

Chi phí dự phòng	5.235.949.855	-
Chi phí đầu tư chứng khoán	4.206.633.591	-
Lãi vay	267.481.576	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	88.964.035	37.955.556
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.102.401
Cộng	9.799.029.057	47.057.957

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	2.793.426.141	2.790.980.477
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	163.612.641	156.827.921
Chi phí dụng cụ quản lý	43.880.009	48.000.428
Chi phí khấu hao	188.793.906	201.950.040
Thuế phí và lệ phí	36.518.918	30.513.336
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	277.606.564	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	927.232.932	804.737.368
Chi phí bằng tiền khác	370.413.383	351.527.619
Cộng	4.801.484.494	4.384.537.189

6. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thanh lý tài sản	118.975.735	-
Thu nhập khác	111.846.424	4.000.000
Thu nhập khác	230.822.159	4.000.000
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	-	105.755.199
Nộp phạt thuế	23.359	49.601.951
Chi phí khác	46.886.700	31.736
Chi phí khác	46.910.059	155.388.886
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	183.912.100	(151.388.886)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.497.165.603	10.228.952.049
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	419.679.380	(6.863.715.241)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	419.679.380	191.332.532
Trừ các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	(7.055.047.773)
Thu nhập chịu thuế	8.916.844.983	3.365.236.808
<i>Thuế suất áp dụng</i>	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.783.368.997	673.047.361
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	(107.570.199)	(44.702.989)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.675.798.798	628.344.372

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Riêng Công ty con là Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh được hưởng các ưu đãi đối với dự án thực hiện trong khu kinh tế cụ thể như sau:

- *Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo.*
- *Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.*

8. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.770.200.991	9.662.372.470
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(406.212.059)	(579.742.348)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	6.363.988.932	9.082.630.122
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	13.199.847
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	482,13	688,09

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.363.988.932	9.082.630.122
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	6.363.988.932	9.082.630.122
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	13.199.847
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.199.847	13.199.847
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	482,13	688,09

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	15.967.942.621	11.665.435.730
Chi phí nhân viên	13.406.927.708	13.458.699.949
Chi phí khấu hao	6.742.497.669	6.587.420.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.615.836.868	19.210.034.534
Chi phí bằng tiền khác	743.131.914	681.501.178
Cộng	59.476.336.780	51.603.092.155

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Lợi nhuận được chia chưa thu	13.369.168.883	15.935.224.610
Chuyển nhượng vốn chưa thu tiền	7.435.394.531	-
Thanh lý tài sản trong năm chưa thu	1.160.000.000	254.545.456
Xây dựng tài sản chưa thanh toán	-	947.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	461.237.228	73.474.868

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Tại kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>30/6/2018</u>	<u>30/6/2017</u>
Trong vòng 1 năm	448.559.000	1.664.411.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.794.236.000	4.124.619.000
Sau 5 năm	3.364.192.500	3.812.751.500
Cộng	<u>5.606.987.500</u>	<u>9.601.781.500</u>

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi theo các hợp đồng sau:

Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động tại Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thể hiện tổng số tiền thuê 20.330,03 m² tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thuê đất số 22/HĐTĐ ngày 27 tháng 7 năm 2009 và Thông báo 3212/TB-CT ngày 18 tháng 5 năm 2016 được ký với thời hạn 30 năm tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2000, đơn giá thuê 448.559.000 VND/m²/năm.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>
<i>Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)</i>		
Lợi nhuận được chia	-	9.585.996.166
Cung cấp dịch vụ	355.824.676	3.485.476.437
Chuyển nhượng vốn (phải thu khác)	26.759.944.955	-
Đã thu chuyển nhượng vốn (phải trả khác)	<u>37.918.938.000</u>	<u>-</u>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận DongBu Hải Minh</i>		
Chuyển nhượng vốn	7.579.471.055	-
Cung cấp dịch vụ	<u>-</u>	<u>965.108.918</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>30/6/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Phải thu thương mại	13.677.135	3.023.127.930
Phải trả khác	<u>13.369.168.883</u>	<u>6.352.378.277</u>
Công ty TNHH Tiếp vận DongBu Hải Minh		
Phải thu thương mại	356.224.642	327.103.606
Phải thu khác	7.435.394.531	-
Phải trả tiền ký quỹ thuê văn phòng	<u>140.000.000</u>	<u>140.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>
Tiền lương, thưởng	1.374.375.000	1.145.575.999
Cộng	<u>1.374.375.000</u>	<u>1.145.575.999</u>

3. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Do đó Công ty không lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại hai địa điểm là Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hải Phòng.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý.

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>
Thành phố Hải Phòng	44.438.897.445	33.925.394.516
Thành phố Hồ Chí Minh	16.077.738.202	19.920.741.431
Cộng	<u>60.516.635.647</u>	<u>53.846.135.947</u>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	<u>Giá trị còn lại của tài sản bộ phận</u>		<u>Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình</u>	
	<u>30/6/2018</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>
Thành phố Hải Phòng	93.502.880.175	93.673.433.668	3.918.876.273	39.055.591.318
Thành phố Hồ Chí Minh	36.068.575.663	38.700.442.378	1.262.225.453	-
Cộng	<u>129.571.455.838</u>	<u>132.373.876.046</u>	<u>5.181.101.726</u>	<u>39.055.591.318</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	30/6/2018		31/12/2017	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.016.329.856	48.016.329.856	42.734.241.990	42.734.241.990
Chứng khoán kinh doanh	13.313.857.750	13.313.857.750	9.529.406.637	9.529.406.637
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.389.540.099	21.389.540.099	1.389.540.099	1.389.540.099
Phải thu của khách hàng	31.255.068.855	31.255.068.855	29.136.789.681	29.136.789.681
Phải thu khác	14.708.159.585	14.708.159.585	8.022.943.689	8.022.943.689
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.784.016.819	5.784.016.819	2.900.016.819	2.900.016.819
Cộng	<u>134.466.972.964</u>	<u>134.466.972.964</u>	<u>93.712.938.915</u>	<u>93.712.938.915</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	8.436.161.205	8.436.161.205	9.622.352.953	9.622.352.953
Chi phí phải trả ngắn hạn	366.850.727	366.850.727	369.217.270	369.217.270
Phải trả khác	1.168.459.077	1.168.459.077	971.640.943	971.640.943
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.989.052.949	4.989.052.949	971.640.943	971.640.943
Cộng	<u>14.960.523.958</u>	<u>14.960.523.958</u>	<u>10.963.211.166</u>	<u>10.963.211.166</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.11.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể do tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,...

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là không đáng kể do khoản đầu tư mua cổ phiếu có giá trị nhỏ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng ...)

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/6/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.016.329.856	-	-	48.016.329.856
Chứng khoán kinh doanh	13.313.857.750	-	-	13.313.857.750
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.389.540.099	-	-	21.389.540.099
Phải thu của khách hàng	31.255.068.855	-	-	31.255.068.855
Phải thu khác	14.653.159.585	55.000.000	-	14.708.159.585
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	5.784.016.819	-	5.784.016.819
Cộng	128.627.956.145	5.839.016.819	-	134.466.972.964

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	8.436.161.205	-	-	8.436.161.205
Chi phí phải trả ngắn hạn	366.850.727	-	-	366.850.727
Phải trả khác	963.459.077	205.000.000	-	1.168.459.077
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.989.052.949	-	-	4.989.052.949
Cộng	14.755.523.958	205.000.000	-	14.960.523.958
Chênh lệch thanh khoản thuần				
	113.872.432.187	5.634.016.819	-	119.506.449.006
31/12/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.734.241.990	-	-	42.734.241.990
Chứng khoán kinh doanh	9.529.406.637	-	-	9.529.406.637
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.389.540.099	-	-	1.389.540.099
Phải thu của khách hàng	29.136.789.681	-	-	29.136.789.681
Phải thu khác	7.655.855.689	367.088.000	-	8.022.943.689
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.900.016.819	-	2.900.016.819
Cộng	90.445.834.096	3.267.104.819	-	93.712.938.915
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	9.622.352.953	-	-	9.622.352.953
Chi phí phải trả	369.217.270	-	-	369.217.270
Phải trả khác	786.640.943	185.000.000	-	971.640.943
Cộng	10.778.211.166	185.000.000	-	10.963.211.166
Chênh lệch thanh khoản thuần				
	79.667.622.930	3.082.104.819	-	82.749.727.749

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2018



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu



Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ